TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1156/2025/DS–ST
Ngày: 25-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Bích Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1379/2025/QĐXXST–DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2539/2025/QĐST–DS ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ trụ sở: Số A đường P, phường Sài G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thu A; Địa chỉ: Số B đường Nam Kỳ Khởi N, phường Xuân H, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2025. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Hà P; Địa chỉ: Số D đường số E, phường An Hội T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thu A trình bày:

Ông Đỗ Hà P có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là "VIB") theo Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 104060120.23 ngày 29/12/2023:

Mục đích vay: Mua xe ô tô bán tải FORD Ranger Raptor, biển số 51D-945.10.

Thời hạn vay: 72 tháng.

Lãi suất vay: 10,00%/năm, ưu đãi trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Sau đó, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,90%/năm.

Ngày 30/12/2023, VIB đã giải ngân cho ông Đỗ Hà P với số tiền 888.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 104076591.23.

Trong thời gian thực hiện HĐTD, ông Đỗ Hà P đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 03/9/2025, ông Đỗ Hà P đã trả được 58.597.241 đồng, trong đó: 37.002.000 đồng tiền gốc và 21.595.241 đồng tiền lãi.

VIB đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ, nhưng ông Đỗ Hà P vẫn không hợp tác trả nợ. Khoản nợ của ông Đỗ Hà P đã chuyển sang quá hạn từ ngày 02/5/2024.

Tính đến ngày 25/9/2025, ông Đỗ Hà P còn nợ VIB với tổng số tiền là 1.047.909.648 đồng, bao gồm: Nợ gốc 850.998.000 đồng, nợ lãi trong hạn 94.386.237 đồng, nợ lãi quá hạn 102.525.411 đồng.

VIB đề nghị Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết:

Ông Đỗ Hà P phải thanh toán ngay cho VIB toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 25/9/2025 là 1.047.909.648 đồng, bao gồm: Nợ gốc 850.998.000 đồng, nợ lãi trong hạn 94.386.237 đồng, nợ lãi quá hạn 102.525.411 đồng.

Ông Đỗ Hà P tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 26/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho VIB.

Tài sản thế chấp: 01 xe ô tô FORD Ranger Raptor, biển số 51D-945.10, theo hợp đồng thế chấp số 0032996.23 ngày 29/12/2023, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên toà đối với bị đơn là ông P nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do.

Do ông P vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà A giữ các yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q khởi kiện ông P phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo kết quả xác minh của Công an Phường 14, quận Gò Vấp thì ông P có đăng ký tạm trú tại địa chỉ số D đường số E, phường An Hội T, hiện nay không còn cư ngụ từ ngày 23/4/2025 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, nay là Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp của người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật tổ chức hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, nay là Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên toà đối với ông P theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông P vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng

mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Bị đơn ông P vắng mặt, không đến Tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết.

[2.2] Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông P thanh toán ngay số tiền nợ tính đến ngày 25/9/2025 là 1.047.909.648 đồng, bao gồm: Nợ gốc 850.998.000 đồng, nợ lãi trong hạn 94.386.237 đồng, nợ lãi quá hạn 102.525.411 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 104060120.23 ngày 29/12/2023; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 30/12/2023 được ký giữa Ngân hàng TMCP Q với ông P và Phiếu giải ngân số 204951076 ngày 30/12/2023; cùng lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã cấp tín dụng cho ông P số tiền 888.000.000 đồng, mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô bán tải FORD Ranger Raptor, biển số 51D-945.10, lãi suất 10,00%/năm, ưu đãi trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau đó, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,90%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P đã thanh toán tiền gốc là 37.002.000 đồng nên số nợ gốc còn lại là 850.998.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 "*1. Bên vay tiền thì phải trả đủ tiền đủ tiền khi đến hạn;"* và tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"* đối chiếu tại khoản 4.3 của Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng kèm theo hợp đồng tín dụng ngày 29/12/2023 có thỏa thuận ngân hàng được quyền thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại trước thời hạn. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc 850.998.000 đồng trước hạn là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 "*5. Trường hợp vay có lãi khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải*

trả lãi…" và tại khoản 1, 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 *"1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng"*

"2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, mức phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 02/5/2024, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp; đối với tiền lãi chậm trả tính theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 1.4.6 của Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng kèm theo hợp đồng tín dụng ngày 29/12/2023. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2025, tiền nợ lãi trong hạn 94.386.237 đồng, nợ lãi quá hạn và nợ lãi chậm trả là 102.525.411 đồng, nguyên đơn yêu cầu ông P phải trả số nợ lãi này là có cơ sở để chập nhận.

Từ các phân tích nêu trên, Ngân hàng yêu cầu ông P phải thanh toán số nợ gốc 850.998.000 đồng, nợ lãi trong hạn 94.386.237 đồng, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả 102.525.411 đồng, tổng cộng 1.047.909.648 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu ông P còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hợp đồng thế chấp số 0032996.23 ngày 29/12/2023 đối với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô FORD Ranger Raptor, biển số 51D-945.10 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.437.289 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 20.014.542 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 94, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp của người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật tổ chức hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025;

Khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Đỗ Hà P chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q các khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2025 là 1.047.909.648 đồng, bao gồm: Nợ gốc 850.998.000 đồng, nợ lãi trong hạn 94.386.237 đồng, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả 102.525.411 đồng; theo hợp đồng tín dụng số 104060120.23 ngày 29/12/2023; ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Hà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Hà P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 43.437.289 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.014.542 đồng theo Biên lai thu số 0057611 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực A – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc